
CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 36
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>07 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>14 - 35</i>
<i>Phụ lục 1: Chi tiết nợ xấu và trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>36</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân tiền thân là Công ty Cổ phần Viễn thông Vạn Xuân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung 13 Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 số 0101932231 ngày 22 tháng 11 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13: 41.997.960.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 043640 3503/3518
Fax : 04 3640 3560
Website : <http://www.vatel.com.vn>
Mã số thuế : 0 1 0 1 9 3 2 2 3 1

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, đê, kè, đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời;
- Giám sát “xây dựng và hoàn thiện” công trình thủy lợi;
- Giám sát lắp đặt điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Thẩm định thiết kế các công trình thông tin, bưu chính viễn thông, điện – điện tử;
- Thẩm định hồ sơ mời thầu, dự thầu; thẩm định tổng dự toán các công trình xây dựng;
- Sản xuất, lắp ráp máy tính và thiết bị tin học; sản xuất phần mềm;
- Tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển ứng dụng và dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, cơ điện lạnh, tự động hóa;
- Thi công xây lắp các công trình bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình, điện tử, tin học và chống sét;
- Kinh doanh vật tư ngành bưu chính viễn thông;
- Lập dự án đầu tư các công trình viễn thông, mạng tin học, mạng điện tử, mạng phát thanh truyền hình, hệ thống chống sét, nội thất (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Mua bán, đại lý, ký gửi các sản phẩm công nghệ và thiết bị điện tử, tin học, viễn thông, cơ điện lạnh, tự động hóa và điều khiển;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Tư vấn đầu tư xây dựng và quản lý các nhà máy phát điện sử dụng năng lượng sạch có quy mô vừa và nhỏ (năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng song biển, thủy điện);
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án bảo vệ môi trường, triển khai chuyển giao công nghệ xử lý môi trường, chất thải và nước sạch, vệ sinh môi trường;

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và thủy điện (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Khoan thăm dò, khoan khai thác khoáng sản (không bao gồm khoan khảo sát), nước ngầm, xử lý nền móng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng, phát triển các loại công nghệ mới về tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- Khảo sát các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, xây dựng và các công trình phụ trợ khác. Đo đạc bản đồ, khảo sát thiết kế các công trình Công ty được phép thiết kế (không bao gồm khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, khảo sát địa chất thủy văn); khảo sát địa chất công trình; khảo sát xây dựng;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành bưu điện; thiết kế kết cấu cột anten công trình xây dựng; thiết kế thông tin, bưu chính viễn thông, thiết kế thông tin – liên lạc, thiết kế điện – điện tử; các công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông, công nghiệp, khu công nghệ cao, thiết kế quy hoạch, kiến trúc công trình xây dựng; thiết kế các công trình giao thông; thiết kế cấp điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;
- Giám sát xây dựng – hoàn thiện công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật: giám sát thi công xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, giao thông nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Như Canh	Chủ tịch
Ông Vũ Tuấn Đức	Ủy viên
Bà Trần Thị Hoa Mai	Ủy viên
Ông Trần Văn Tân	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Việt	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Tuấn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Trần Như Canh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2017

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phó Đức Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Quốc Việt	Trưởng ban
Ông Đỗ Trung Kiên	Thành viên
Ông Vũ Tiến Dương	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016

Miễn nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức

Ngày 30 tháng 3 năm 2017



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 0509.01/2016/NVT2-BCTC
Ngày : 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo của Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

34
37
MH
TO
VI
T

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VT Vạn Xuân tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNKT số: 0053-2014-124-1

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.745.895.112	99.167.989.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.911.676.497	22.753.767.624
1. Tiền	111		2.911.676.497	22.753.767.624
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.486.563.855	69.607.241.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	35.569.371.506	50.410.599.527
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.500.844.048	991.866.136
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	59.955.644.789	18.204.775.789
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.539.296.488)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		33.330.969.612	6.806.980.529
1. Hàng tồn kho	141	V.6	34.681.556.970	7.482.274.208
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.350.587.358)	(675.293.679)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.685.148	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.685.148	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.792.545.847	11.323.958.269
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.882.808	749.976.214
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	7.882.808	749.976.214
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.629.461.107	3.391.967.775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.629.461.107	3.391.967.775
<i>Nguyên giá</i>	222		4.979.638.090	5.015.578.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.350.176.983)	(1.623.610.315)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.10	60.768.000	60.768.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(60.768.000)	(60.768.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.956.000.000	6.956.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	6.956.000.000	6.956.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		199.201.932	226.014.280
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	199.201.932	226.014.280
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		144.538.440.959	110.491.947.874

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		94.357.760.562	61.140.681.072
I. Nợ ngắn hạn	310		94.357.760.562	61.140.681.072
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.752.772.959	17.511.621.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.421.052.989	1.160.293.897
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.310.126.133	6.830.274.445
4. Phải trả người lao động	314		1.130.946.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.773.175.650	16.205.579
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	642.986.521	720.441.103
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	53.958.360.573	34.533.505.094
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		368.339.737	368.339.737
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.180.680.397	49.351.266.802
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	50.180.680.397	49.351.266.802
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.997.960.000	41.997.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.997.960.000	41.997.960.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.172.810)	(60.172.810)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(680.000.000)	(680.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.030.381.280	2.030.381.280
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.000.000	150.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.742.511.927	5.913.098.332
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.913.098.332	319.841.578
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		829.413.595	5.593.256.754
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		144.538.440.959	110.491.947.874

Người lập biểu

Vũ Văn Anh

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102.088.859.465	95.081.880.068
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.296.960.529	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.791.898.936	95.081.880.068
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	83.767.198.378	77.738.863.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.024.700.558	17.343.016.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.484.805	13.588.234
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.589.727.413	1.386.104.941
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.589.585.912	1.386.104.941
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.383.546.976	8.877.345.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.065.910.974	7.093.154.238
11. Thu nhập khác	31	VI.7	488.474.213	121.545.621
12. Chi phí khác	32	VI.8	376.407.767	43.857.867
13. Lợi nhuận khác	40		112.066.446	77.687.754
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.177.977.420	7.170.841.992
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	348.563.825	1.577.585.238
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		829.413.595	5.593.256.754
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	201	3.880

Người lập biểu

Vũ Văn Anh

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128.873.075.948	88.905.221.455
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(98.689.861.252)	(84.979.138.728)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.837.756.000)	(15.806.578.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.605.791.491)	(1.386.104.941)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.732.419.204)	(3.360.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.796.529.998	5.103.886.583
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(57.064.209.410)	(5.137.617.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.260.431.411)	(13.303.691.166)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.337.767.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.956.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.484.805	12.748.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.484.805	(10.281.018.341)

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Địa chỉ: Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	28.239.827.190
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		87.257.870.595	54.873.662.685
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(67.833.015.116)	(40.710.230.227)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		19.403.855.479	42.403.259.648
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(19.842.091.127)	18.818.550.141
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.753.767.624	3.934.526.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	690.799
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.911.676.497	22.753.767.624

Người lập biểu

Vũ Vân Anh

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, thương mại, dịch vụ
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110KV; xây dựng kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 06

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn dịch vụ đã cung cấp và hợp đồng xây dựng đã thực hiện.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự

102
CỔ
CH N
KIẾ
HÂN
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.825.288.772	3.363.625.574
Tiền gửi ngân hàng	1.086.387.725	19.390.142.050
Cộng	<u>2.911.676.497</u>	<u>22.753.767.624</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.277.514.642</i>	<i>5.111.840.764</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành	1.277.514.642	5.111.840.764
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>34.291.856.864</i>	<i>45.298.758.763</i>
Điện lực Hải Phòng	-	2.677.455.439
Điện lực Quảng Ninh	9.223.378.803	21.721.857.288
Điện lực Hải Dương	4.019.262.870	1.570.508.104
Điện lực Vĩnh Phúc	7.288.247.040	-
Điện lực Thái Nguyên	4.421.554.446	-
Điện lực Yên Bái	24.411.920	1.014.077.034
Điện lực Hòa Bình	247.409.411	363.488.482
Điện lực Nam Định	-	505.360.961
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Việt Hưng	-	1.698.012.838
Trung tâm internet Việt Nam	298.961.997	4.491.000.000
Công ty lưới điện cao thế Miền Nam	2.964.893.682	2.730.000.000
Điện lực Thái Bình	-	1.995.467.917
Các khách hàng khác	5.803.736.695	6.531.530.700
Cộng	<u>35.569.371.506</u>	<u>50.410.599.527</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	4.500.844.048	991.866.136
Công ty Cổ phần FCO Việt Nam	3.474.554.159	534.353.136
Công ty Bê tông Đúc Sẵn Hà Nam	-	274.350.000
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Cần Thơ	400.000.000	-
Xí nghiệp xây lắp điện Thanh Bình	331.454.545	-
Các nhà cung cấp khác	294.835.344	183.163.000
Cộng	<u>4.500.844.048</u>	<u>991.866.136</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	30.711.850.000	13.250.300.000
Tạm ứng Đội trưởng đội thi công kiêm thành viên Ban Kiểm soát	30.711.850.000	13.250.300.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	29.243.794.789	4.954.475.789
Tạm ứng	29.069.230.000	4.954.400.000
Tiền bảo hiểm xã hội phải thu đội	174.564.789	75.789
Cộng	<u>59.955.644.789</u>	<u>18.204.775.789</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.539.296.488)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>(1.539.296.488)</u>	<u>-</u>

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày tại phụ lục 1.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Thành phẩm	31.980.382.253	-	4.781.099.491	-
Hàng hóa	2.701.174.717	(1.350.587.358)	2.701.174.717	(675.239.679)
Cộng	<u>34.681.556.970</u>	<u>(1.350.587.358)</u>	<u>7.482.274.208</u>	<u>(675.239.679)</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(675.293.679)	(675.293.679)
Trích lập dự phòng bổ sung	(675.293.679)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>(1.350.587.358)</u>	<u>(675.293.679)</u>

8. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	3.471.167.272	1.508.470.818	35.940.000	5.015.578.090
Phân loại lại	(3.337.767.272)	3.337.767.272	(35.940.000)	(35.940.000)
Số cuối năm	133.400.000	4.846.238.090	-	4.979.638.090
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	133.400.000	461.198.091	-	594.598.091
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	101.733.332	1.485.936.983	35.940.000	1.623.610.315
Tăng trong năm do khấu hao	31.666.668	730.840.000	-	762.506.668
Phân loại lại	-	-	(35.940.000)	(35.940.000)
Số cuối năm	133.400.000	2.216.776.983	-	2.350.176.983
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.369.433.940	22.533.835	-	3.391.967.775
Số cuối năm	-	2.629.461.107	-	2.629.461.107

Tài sản cố định là phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.846.238.090 VND và 2.629.461.107 VND đang được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thái Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 5 năm 2015, trong đó khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác là 7.000.000.000 VND. Năm 2015 Công ty đã mua lại 296.000 cổ phần trong tổng số 600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành, tương đương 6.956.000.000 VND chiếm 49,33% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng.

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	627.276.938
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành	-	627.276.938
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	22.752.772.959	16.884.344.279
Công ty Cấp điện và hệ thống LS Vina	-	4.989.858.083
Công ty Cổ phần Tư vấn - Xây lắp điện Hà Tĩnh	2.897.500.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Phú Cường	2.411.992.000	-
Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ VT3	3.447.835.400	-
Công ty TNHH Hoàng Minh Tạo	1.397.627.478	-
Công ty TNHH Xây lắp điện 1 - Từ Liêm	1.723.991.183	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng	1.413.980.979	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đạt Được	-	1.331.748.315
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thái An	-	2.614.134.775
Các nhà cung cấp khác	9.459.845.919	7.948.603.106
Cộng	<u>22.752.772.959</u>	<u>17.511.621.217</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	5.421.052.989	1.160.293.897
Điện lực Hải Phòng	5.205.408.119	-
Điện lực Hà Tĩnh	-	1.066.047.978
Các khách hàng khác	215.644.870	94.245.919
Cộng	<u>5.421.052.989</u>	<u>1.160.293.897</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.236.568.676	1.107.123.243	5.099.039.279	244.652.640
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.415.302.246	348.563.825	1.732.419.204	1.031.446.867
Thuế thu nhập cá nhân	68.420.952	59.247.814	127.668.766	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	109.982.571	3.000.000	78.955.945	34.026.626
Cộng	6.830.274.445	1.517.934.882	7.038.083.194	1.310.126.133

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.091.980.113	-
Chi phí nhân công phải trả - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thành	3.091.980.113	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.681.195.537	16.205.579
Chi phí lãi vay phải trả	-	16.205.579
Chi phí nhân công phải trả	5.681.195.537	-
Cộng	8.773.175.650	16.205.579

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH, BHYT, BHTN	344.422.147	496.373.489
Cổ tức năm 2011 phải trả	65.235.000	86.235.000
Phạt chậm nộp BH	233.329.374	137.832.614
Cộng	642.986.521	720.441.103

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thái Hà (1)	41.717.616.922	41.717.616.922	24.593.635.153	24.593.635.153
Ngân hàng MB - Sở giao dịch I (2)	12.240.743.651	12.240.743.651	9.939.869.941	9.939.869.941
Cộng	53.958.360.573	53.958.360.573	34.533.505.094	34.533.505.094

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7612512/HĐTD ký ngày 7 tháng 7 năm 2016. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hạn mức tín dụng 100.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức vay vốn tối đa là 60.000.000.000 đồng). Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Xe ô tô TOYOTA CAMRY, BKS: 29A – 628.12; Xe ô tô TOYOTA INNOVA, BKS: 30F – 8249;
- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ C23, NƠ 8, KĐT mới Định Công, Hoàng Mai thuộc sở hữu của ông Trần Như Canh và bà Nguyễn Thị Châu Giang;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Tập thể nhà máy Pin Văn Điển thuộc sở hữu của ông Trần Văn Tân và bà Trình Thị Huyền;
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Căn 302 nhà NƠ 7A thuộc sở hữu của ông Vũ Tuấn Đức và bà Lương Thị Thu Hằng;
- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ căn 204 nhà CT 2 Bắc Linh Đàm thuộc sở hữu của ông Vũ Tuấn Đức và bà Lương Thị Thu Hằng;
- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Quế Sơn, Tân Ước thuộc sở hữu của ông Trần Văn Tân và bà Trình Thị Huyền;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Thôn Phúc Thọ, Mai Lâm, Đông Anh thuộc sở hữu của ông Đậu Hùng Cường và bà Trần Thị Hoa Mai./.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 6305.16.002.466767.TD ký ngày 4 tháng 3 năm 2016. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ thi công các công trình xây lắp điện. Hạn mức tín dụng 160.000.000.000 đồng (trong đó: hạn mức tín dụng 30.000.000.000 VNĐ, hạn mức bảo lãnh: 30.000.000.000 VNĐ, hạn mức xác nhận cung cấp tín dụng 100.000.000.000 VNĐ). Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/1/2017. Lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Bất động sản tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai thuộc sở hữu của ông Nguyễn Bá Đồng và bà Nguyễn Thị Hoa; Ô tô Toyota Lancruiser, BKS: 30A – 561.02; Ô tô Suzuki Ertiga, BKS: 30A – 535.39; sản lượng dờ dang và quyền đòi nợ hình thành từ các phương án MB tài trợ./.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm		Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	34.533.505.094	87.087.870.595	(67.663.015.116)		53.958.360.573
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	170.000.000	(170.000.000)		-
Cộng	34.533.505.094	87.257.870.595	(67.833.015.116)		53.958.360.573

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	12.000.000.000	-	(680.000.000)	2.030.381.280	150.000.000	2.017.801.578	15.518.182.858
Tăng vốn từ lợi nhuận	1.697.960.000	-	-	-	-	-	1.697.960.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	28.300.000.000	-	-	-	-	-	28.300.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	5.593.256.754	5.593.256.754
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(1.697.960.000)	(1.697.960.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(60.172.810)	-	-	-	-	(60.172.810)
Số dư cuối năm trước	41.997.960.000	(60.172.810)	(680.000.000)	2.030.381.280	150.000.000	5.913.098.332	49.351.266.802
Số dư đầu năm nay	41.997.960.000	(60.172.810)	(680.000.000)	2.030.381.280	150.000.000	5.913.098.332	49.351.266.802
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	829.413.595	829.413.595
Số dư cuối năm nay	41.997.960.000	(60.172.810)	(680.000.000)	2.030.381.280	150.000.000	6.742.511.927	50.180.680.397

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.199.796	4.199.796
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.199.796	4.199.796
- Cổ phiếu phổ thông	4.199.796	4.199.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.000	68.000
- Cổ phiếu phổ thông	68.000	68.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.131.796	4.131.796
- Cổ phiếu phổ thông	4.131.796	4.131.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ngoại tệ các loại		
- Dollars (USD)	381,18	381,18

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	14.470.670.774	
Doanh thu hoạt động xây lắp	85.879.582.643	92.041.591.971
Doanh thu hoạt động tư vấn, thiết kế	1.733.606.048	3.040.288.097
Doanh thu khác	5.000.000	-
Cộng	<u>102.088.859.465</u>	<u>95.081.880.068</u>

2. Giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	2.296.960.529	-
Cộng	<u>2.296.960.529</u>	<u>-</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.291.159.182	-
Giá vốn hoạt động xây lắp	67.985.235.864	75.738.669.670
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	815.509.653	2.000.193.988
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	675.293.679	-
Cộng	<u>83.767.198.378</u>	<u>77.738.863.658</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

5. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.589.585.912	1.386.104.941
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	141.501	
Cộng	<u>3.589.727.413</u>	<u>1.386.104.941</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.855.640.000	5.386.948.535
Chi phí đồ dùng văn phòng	150.238.711	222.321.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	762.506.668	694.833.658
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	697.833.658
Chi phí dự phòng	1.539.296.488	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.280.650	281.446.431
Chi phí bằng tiền khác	2.598.584.459	1.593.961.711
Cộng	<u>11.383.546.976</u>	<u>8.877.345.465</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ không phải thanh toán	488.474.213	-
Thu nhập khác	-	121.545.621
Cộng	<u>488.474.213</u>	<u>121.545.621</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp BHXH	90.302.418	-
Phạt chậm nộp thuế, chênh lệch thuế phải nộp	286.105.349	-
Chi phí khác	-	43.857.867
Cộng	<u>376.407.767</u>	<u>43.857.867</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.177.977.420	7.170.841.992
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	564.841.706	-
<i>Phạt chậm nộp thuế, chênh lệch thuế</i>	564.841.706	-
<i>Khấu hao xe oto trên 1,6 tỷ</i>	286.105.349	-
<i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	188.433.939	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	90.302.418	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	1.742.819.126	7.170.841.992
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	1.742.819.126	7.170.841.992
	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	348.563.825	1.577.585.238
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	348.563.825	1.577.585.238

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	829.413.595	5.593.256.754
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	829.413.595	5.593.256.754
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.131.796	1.441.467
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	201	3.880

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.131.796	1.132.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	309.467
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.131.796	1.441.467

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.343.238.355	64.757.591.422
Chi phí nhân công	34.469.945.657	15.806.578.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	762.506.668	694.833.658
Chi phí dự phòng	2.214.590.167	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.481.865.228	3.328.296.842
Chi phí khác	5.786.722.859	2.791.795.369
Cộng	<u>108.058.868.934</u>	<u>87.379.095.291</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp, tiền thưởng	1.298.739.694	1.402.944.500
Cộng	<u>1.298.739.694</u>	<u>1.402.944.500</u>

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tạm ứng	23.582.550.000
Thu hồi tạm ứng	6.121.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.4./.

Giao dịch với các bên liên quan khác với công ty là:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Huy Thành	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Huy Thành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu xây lắp	266.319.120	9.483.805.917
Doanh thu dịch vụ thuê xe	5.000.000	-
Thu tiền xây lắp	4.127.277.222	4.361.834.331
Thuê nhân công	6.307.347.002	7.402.583.882
Thanh toán tiền thuê nhân công	3.842.643.827	9.099.700.790

Công nợ với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2, V.13, V.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại;
- Lĩnh vực thiết kế, thi công xây lắp công trình;
- Lĩnh vực dịch vụ khác;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực thiết kế, thi công xây lắp	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.470.670.774	85.316.228.162	5.000.000	99.791.898.936
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.470.670.774	85.316.228.162	5.000.000	99.791.898.936
Chi phí bộ phận	(14.966.452.861)	(68.800.745.517)		(83.767.198.378)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(495.782.087)	16.515.482.645	5.000.000	16.024.700.558
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.383.546.976)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.641.153.582
Doanh thu hoạt động tài chính				14.484.805
Chi phí tài chính				(3.589.727.413)
Thu nhập khác				488.474.213
Chi phí khác				(376.407.767)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(348.563.825)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				829.413.595
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				123.426.363
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				912.745.379

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thiết		Lĩnh vực	Cộng
	Lĩnh vực	kế, thi công xây		
	thương mại	lắp		
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.350.587.359	72.050.597.807	-	73.401.185.166
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	71.137.255.793
Tổng tài sản				144.538.440.959
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		36.947.001.598	-	36.947.001.598
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	57.410.758.964
Tổng nợ phải trả				94.357.760.562
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.025.881.038	56.183.565.154	-	58.209.446.192
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	52.282.501.682
Tổng tài sản				110.491.947.874
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		18.671.915.114	-	18.671.915.114
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	42.468.765.958
Tổng nợ phải trả				61.140.681.072

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.911.676.497	22.753.767.624	2.911.676.497	22.753.767.624
Phải thu khách hàng	34.030.075.018	50.410.599.527	34.030.075.018	50.410.599.527
Các khoản phải thu khác	59.963.527.597	18.954.752.003	59.963.527.597	18.954.752.003
Cộng	96.905.279.112	92.119.119.154	96.905.279.112	92.119.119.154
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	53.958.360.573	34.533.505.094	53.958.360.573	34.533.505.094
Phải trả người bán	22.752.772.959	17.511.621.217	22.752.772.959	17.511.621.217
Các khoản phải trả khác	10.547.108.171	736.646.682	10.547.108.171	736.646.682
Cộng	87.258.241.703	52.781.772.993	87.258.241.703	52.781.772.993

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	53.958.360.573	-	-	53.958.360.573
Phải trả người bán	22.752.772.959	-	-	22.752.772.959
Các khoản phải trả khác	10.547.108.171	-	-	10.547.108.171
Cộng	87.258.241.703	-	-	87.258.241.703
Số đầu năm				
Vay và nợ	34.533.505.094	-	-	34.533.505.094
Phải trả người bán	17.511.621.217	-	-	17.511.621.217
Các khoản phải trả khác	736.646.682	-	-	736.646.682
Cộng	52.781.772.993	-	-	52.781.772.993

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Vũ Văn Anh

Kế toán trưởng

Vũ Văn Quang

Tổng Giám đốc



Vũ Tuấn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN VT VẠN XUÂN

Xóm Đình, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC 1: Chi tiết nợ xấu và trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các tổ chức và cá nhân khác		1.674.640.484		1.539.296.488
Viễn thông Bạc Liêu	Quá hạn trên 3 năm	144.051.065	144.051.065	-
Viễn thông Đồng Tháp	Quá hạn trên 3 năm	152.021.984	152.021.984	-
Viễn thông Hà Tĩnh	Quá hạn trên 3 năm	173.888.721	173.888.721	-
Cty CP Điện lực Khánh Hoà	Quá hạn trên 3 năm	149.393.516	149.393.516	-
Viễn thông Bình Dương	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	207.465.388	103.732.694	-
Cty Tài chính CN Tàu Thủy	Quá hạn trên 3 năm	173.510.260	173.510.260	-
Ban QL giao thông đô thị	Quá hạn trên 3 năm	152.486.217	152.486.217	-
Công ty CP TV & TM Toàn Cầu	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	17.281.181	8.640.591	-
Viễn thông Nghệ An	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	31.831.102	22.281.771	-
Trung tâm Di động khu vực I	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	44.737.936	31.316.555	-
Phải thu các đối tượng khác	Quá hạn trên 3 năm	427.973.114	427.973.114	-
Cộng		1.674.640.484	1.539.296.488	

